

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 – 2023

“ V/v Tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về *“Tranh chấp ly hôn”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXX - ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trương Văn V**, sinh năm: 1973 (Vắng có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Kim H**, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Phú Tân, xã Trung Nghĩa, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Trương Văn V trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Anh và chị H hôn nhân hình thành là do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Nghĩa vào ngày 15/01/2021. Sau ngày cưới anh và chị H sống tại nhà riêng ấp Phú Tân, xã Trung Nghĩa. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi dẫn đến tình cảm phai nhạt. Anh và chị H đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Anh và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Lê Thị Kim H vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bằng khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét thấy, nguyên đơn anh V có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228; điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Xét việc bị đơn chị H được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn; Hội đồng xét xử, quyết định xử vắng mặt bị

đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa anh V và chị H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh V và chị H có nhiều mâu thuẫn như: Vợ cH thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần, để hòa giải nhằm giúp hai bên có thời gian, có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhưng chị H cố tình tránh né không đến Tòa án.

Từ đó, cho thấy chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ cH. Hội đồng xét xử, xét thấy hôn nhân giữa anh V và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên anh V yêu cầu xin ly hôn với chị H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.1] Về con chung: Anh V xác định anh và chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.2] Về tài sản chung: Anh V không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị H vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nợ chung: Anh V không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị H vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Anh V phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228; 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Trương Văn V được ly hôn với chị Lê Thị Kim H.

2. *Về con chung:* Không có con chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung:* Anh Trương Văn V không yêu cầu giải quyết. Bị đơn Lê Thị Kim Hồng vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Anh Trương Văn V không yêu cầu giải quyết. Bị đơn chị Lê Thị Kim H vắng mặt không có ý kiến phản bác nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:*

- Anh Trương Văn V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0009508, ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Anh Trương Văn V đã nộp đủ không phải nộp thêm.

- Chị Lê Thị Kim H không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Cường

